

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 -11-2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Cẩm Loan.
2. Bà Hoàng Thị Bằng.

Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Tân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H; Sinh năm 1957;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm DC, xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Triệu Văn T (Triệu Quốc T); Sinh năm 1959;

Nơi đăng ký HKTT và Địa chỉ cư trú hiện nay: Xóm BD, xã HT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày: Bà và ông Triệu Văn T kết hôn vào ngày 14/12/1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại tỉnh Cao Bằng đến năm 1987 thì bà và các con chuyển về tỉnh Bắc Giang sinh sống nên hai vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay bà H xác định vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, đời sống chung không có, đã ly thân một thời gian dài nên yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Triệu Thị L sinh năm 1986 và Triệu Thị Q, sinh năm 1987. Hiện nay các con đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2021 bị đơn Triệu Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà H, về con chung thì các con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung, vay nợ chung thì không có, còn về thủ tục tố tụng thì ông đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị H kết hôn với ông Triệu Văn T, địa chỉ: BD, HT, HA, Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Nay bà H khởi kiện xin ly hôn với ông T, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngô Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Triệu Văn T có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại biên bản lấy lời khai và ông có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của bà H và ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị H và ông Triệu Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/1984 tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, bà H cho rằng trong thời gian chung sống thì bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn đã không còn sống chung với nhau từ năm 1987 cho

đến nay nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2021 ông Triệu Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà H, không có ý kiến gì khác.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H có đơn yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Ngô Thị H và ông Triệu Văn T có hai con chung nhưng căn cứ vào lý lịch thì hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai vợ chồng cùng xác nhận không có tài sản chung, không có vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị H được ly hôn với ông Triệu Văn T.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0003514 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lục Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bằng Nông Thị Cẩm Loan

Lục Thanh Hải

